BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 103/2017/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2017*

THÔNG TƯ

Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Quyết định số 899/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp – Việc làm và An toàn lao động giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Chương trình); trừ các khoản hỗ trợ có mục đích, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, hoặc các khoản hỗ trợ mà nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính đã có thoả thuận về nội dung và mức chi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chương trình gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

1. Ngân sách trung ương

a) Bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây viết tắt là Bộ, cơ quan trung ương) để thực hiện nhiệm vụ được giao của Chương trình;

b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để triển khai các Dự án của Chương trình (trừ các nhiệm vụ do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này).

2. Ngân sách địa phương

a) Đảm bảo nguồn lực từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định tại Quyết định số 899/QĐ-TTg, cụ thể:

- Dự án 1: Kinh phí nâng cao năng lực tư vấn, hướng nghiệp, tuyên truyền về giáo dục nghề nghiệp và kiểm tra, đánh giá thực hiện Dự án tại địa phương;

- Dự án 2: Kinh phí thực hiện các hoạt động tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ cấp huyện, xã; kiểm tra, đánh giá thực hiện Dự án tại địa phương;

- Dự án 3: Kinh phí hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá thực hiện Dự án tại địa phương.

b) Bố trí vốn đối ứng để cùng với ngân sách trung ương hỗ trợ triển khai có hiệu quả các Dự án của Chương trình theo quy định tại Quyết định số 899/QĐ-TTg.

3. Riêng đối với kinh phí thực hiện hoạt động tuyên truyền, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động quy định tại điểm e khoản 3 Mục VI Điều 1 Quyết định số 899/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để thực hiện các hoạt động tuyên truyền, huấn luyện sau:

- Huấn luyện mẫu về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng thuộc mục tiêu của Dự án;

- Tư vấn và hỗ trợ mở rộng hoạt động huấn luyện an toàn vệ sinh lao động đến các đối tượng thuộc mục tiêu của Dự án (dựa trên các lớp huấn luyện mẫu) đến các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn;

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền về an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc dưới hình thức các cuộc thi an toàn, vệ sinh lao động; tọa đàm, diễn đàn, đối thoại trực tiếp với người lao động và người sử dụng lao động; phát

hành các ấn phẩm truyền thông về an toàn vệ sinh lao động đã được các cơ quan trung ương xây dựng;

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí) về an toàn, vệ sinh lao động; trong đó tập trung tuyên truyền về các các biện pháp phòng chống tai nạn lao động, bệnh tật liên quan đến lao động và việc triển khai mở rộng áp dụng hệ thống quản lý, các mô hình thí điểm, hỗ trợ, tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động;

- Trực tiếp tư vấn, hỗ trợ thông tin cải thiện điều kiện lao động (dựa trên các tài liệu hướng dẫn của Tổ chức Lao động quốc tế) đến các doanh nghiệp, làng nghề, hợp tác xã có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b) Ngân sách địa phương đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động tuyên truyền, huấn luyện sau:

- Huấn luyện truyền thông viên, giảng viên nguồn về an toàn, vệ sinh lao động tại địa phương;

- Tuyên truyền, huấn luyện nâng cao năng lực về an toàn, vệ sinh lao động cho cán bộ cấp phường, xã;

- Các hoạt động tuyên truyền trực tiếp tại nơi làm việc dưới hình thức xây dựng và phát hành các ấn phẩm truyền thông đặc thù của địa phương (tranh áp phích, tờ rơi, sách, phim tuyên truyền...); hội nghị, hội thảo tuyên truyền theo các chuyên đề liên quan đến lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; triển khai mô hình chia sẻ thông tin trong cụm doanh nghiệp, chuỗi kinh doanh về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

4. Nguồn huy động, đóng góp của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 4. Nội dung và mức chi chung của các Dự án

1. Chi khảo sát, điều tra thống kê phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án và phục vụ đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, Dự án. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia (sau đây viết tắt là Thông tư số 109/2016/TT-BTC).

2. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án

a) Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 139/2010/TT-BTC);

b) Ngoài các nội dung chi tại điểm a khoản này; cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng được sử dụng kinh phí của Chương

trình để hỗ trợ đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước một số nội dung chi sau:

- Chi hỗ trợ tiền ăn: theo mức chi áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC;

- Chi phí đi lại từ nơi cư trú đến nơi học tập (một lượt đi và về);

- Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho học viên mà phải đi thuê);

Mức chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ, chi phí đi lại tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 5 và Điều 7 Chương II Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC). Trường hợp người học tự túc phương tiện đi lại thì được hỗ trợ tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm học.

3. Chi dịch và hiệu đính tài liệu phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án

a) Chi dịch nói từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2010/TT-BTC);

b) Chi phiên dịch (dịch nói) từ tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số và ngược lại: Mức tiền công áp dụng bằng mức chi thuê người dẫn đường kiêm phiên dịch tiếng dân tộc quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC;

c) Chi dịch và hiệu đính tài liệu: Mức chi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

d) Trường hợp các cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ của các cơ quan, đơn vị để tham gia công tác dịch và hiệu đính tài liệu thì được thanh toán tối đa bằng 50% mức chi thuê ngoài quy định tại điểm a, b và điểm c khoản này.

4. Chi xây dựng, biên soạn tài liệu, chương trình, giáo trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện. Mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 123/2009/TT-BTC). Ngoài ra:

a) Đối với trường hợp hoàn thiện nội dung, giáo trình về an toàn, vệ sinh lao động đã được xây dựng giai đoạn 2011-2015 để đưa vào các chương trình giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp: áp dụng mức chi chỉnh sửa, bổ sung giáo trình quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC;

b) Đối với trường hợp xây dựng sổ tay nghiệp vụ; phim huấn luyện; tài liệu, hướng dẫn triển khai hoạt động, nâng cao kỹ năng an toàn vệ sinh lao động: mức chi theo thực tế phát sinh, hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ;

c) Đối với trường hợp chi xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và ngân hàng đề thi tốt nghiệp (nếu có) cho các nghề trọng điểm theo cấp độ quốc gia, cấp độ khu vực ASEAN và quốc tế; xây dựng chương trình 06 môn học chung; xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đánh giá viên kỹ năng nghề. Nội dung và mức chi theo Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Chi xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án

a) Phạm vi xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin theo Quyết định số 899/QĐ-TTg;

b) Nội dung và mức chi

- Đối với các trường hợp xây dựng Dự án, mức chi căn cứ Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc lập Dự án ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin; định mức, đơn giá chuyên ngành do Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan ban hành. Một số quy định hiện hành như sau:

+ Lập và quản lý chi phí dự án ứng dụng công nghệ thông tin: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

+ Định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố định mức chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước;

+ Chi phí thẩm định dự án: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

+ Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

+ Định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin; Quyết định số 1235/QĐ-BTTTT ngày 04 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1601/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 về việc công bố định mức lắp đặt phần cứng và cài đặt phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin;

+ Định mức tạo lập cơ sở dữ liệu: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1595/QĐ-BTTTT ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố định mức tạo lập cơ sở dữ liệu trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin;

+ Chi xây dựng, nâng cấp phần mềm nội bộ: thực hiện theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xác định chi phí phát triển, nâng cấp phần mềm nội bộ;

- Đối với nội dung chi ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án: mức chi căn cứ đề cương và dự toán chi tiết được lập theo quy định tại Thông tư số 21/2010/TT-BTTTT ngày 08 tháng 9 năm 2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước nhưng không yêu cầu phải lập dự án;

- Chi tạo lập thông tin điện tử: thực hiện theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước;

- Chi cải tạo, sửa chữa hạ tầng, mua sắm tài sản, trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin; thuê dịch vụ công nghệ thông tin thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu 2013, các văn bản hướng dẫn Luật và Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

- Chi thuê bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trang thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin: thực hiện theo hợp đồng và hoá đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

6. Chi mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đánh giá kỹ năng nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, hệ thống thông tin thị trường lao động và an toàn vệ sinh lao động; chi sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Trung tâm huấn luyện an toàn vệ sinh lao động. Mức chi theo Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

7. Chi tổ chức các buổi đối thoại, nói chuyện chuyên đề phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án

a) Chi thuê chuyên gia đối thoại, nói chuyện chuyên đề: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 139/2010/TT-BTC;

b) Chi thuê địa điểm, bàn ghế, loa đài và các trang thiết bị cần thiết khác (nếu có): Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

c) Chi nước uống cho người tham dự: Mức chi theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Chương III Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

d) Chi tài liệu phục vụ hoạt động đối thoại, nói chuyện chuyên đề: Mức chi theo thực tế phát sinh.

8. Chi xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá; hệ thống các mẫu, biểu báo cáo, tổng hợp, phân tích, đánh giá số liệu phục vụ công tác theo dõi, đánh giá các Dự án

a) Chi xây dựng hệ thống mẫu, biểu. Mức chi 300.000 đồng/hệ thống mẫu, biểu;

b) Chi viết báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình, Dự án. Mức chi 500.000 đồng/báo cáo;

c) Chi xây dựng văn bản quy định khung và hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá Chương trình, Dự án: vận dụng mức chi xây dựng Quyết định của Ủy ban nhân dân quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

9. Chi thuê kiểm toán độc lập trong trường hợp Kiểm toán Nhà nước không tiến hành kiểm toán hàng năm (nếu cần thiết): thực hiện theo quy định của Luật đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật.

10. Chi nghiên cứu quy trình, phương pháp phát triển chương trình giáo dục nghề nghiệp theo mô đun, tín chỉ; nghiên cứu, xây dựng thí điểm các chương trình trọng điểm cấp độ quốc gia ở các lĩnh vực phổ biến; nghiên cứu hoàn thiện hệ thống tiêu chí trường chất lượng cao và quy trình đánh giá, công nhận trường chất lượng cao; nghiên cứu xây dựng khung bảo đảm chất lượng trình độ quốc gia Việt Nam (cấu phần giáo dục nghề nghiệp) tham chiếu khung bảo đảm chất lượng của khu vực và thế giới; nghiên cứu khung công nhận lẫn nhau về trình độ và kỹ năng nghề giữa Việt Nam và các quốc gia trong khu vực ASEAN và thế giới; nghiên cứu xây dựng các chương trình hướng nghiệp giáo dục nghề nghiệp cho học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông tại các trung tâm giáo dục nghề nghiệp; nghiên cứu áp dụng hệ thống quản lý, các mô hình thí điểm, hỗ trợ, tư vấn, đánh giá mẫu trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8 và Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

Các cơ quan, đơn vị không sử dụng kinh phí của Chương trình để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp quốc gia.

11. Chi tổ chức các đoàn kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các mục tiêu, hoạt động của Chương trình, Dự án. Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Mục II Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Chương II, Chương III Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

12. Chi tổ chức hội nghị triển khai công việc, sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Chương trình, Dự án; hội nghị, hội thảo trong nước tuyên truyền theo các chuyên đề liên quan đến lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; hội nghị, hội thảo phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm việc áp dụng hệ thống quản lý, các mô hình thí điểm, hỗ trợ, tư vấn, đánh giá mẫu trong lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động. Nội dung và mức chi hội nghị thực hiện theo quy định tại Chương II và Chương III Thông tư số 40/2017/TT-BTC. Nội dung và mức chi hội thảo thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

13. Chi thông tin, tuyên truyền

a) Phạm vi thông tin, tuyên truyền theo Quyết định số 899/QĐ-TTg. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, nội dung tuyên truyền đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

b) Nội dung và mức chi

- Chi sản xuất, biên tập, đưa nội dung các chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng (phát thanh, truyền hình, báo in, trang thông tin điện tử, tạp chí); xây dựng, mua, nhân bản và phát hành các sản phẩm truyền thông: thực hiện theo quy định hiện hành về đấu thầu, trường hợp không đáp ứng các điều kiện đấu thầu thì thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí (áp dụng đối với các trường hợp chi trả nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; thù lao cho người tham gia thực hiện các công việc liên quan đến tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm, người sưu tầm tài liệu, cung cấp thông tin phục vụ cho việc sáng tạo tác phẩm báo chí, xuất bản phẩm để thông tin, tuyên truyền);

- Chi thiết kế, xây dựng, sửa chữa nội dung tranh, pa nô, áp phích, khẩu hiệu, bảng điện tử. Mức chi theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Chi xây dựng, biên soạn tài liệu thông tin, tuyên truyền. Mức chi theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC;

- Chi tổ chức các cuộc thi phục vụ công tác thông tin, tuyên truyền về việc làm, an toàn vệ sinh lao động: Nội dung và mức chi theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý và sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở.

14. Chi thuê chuyên gia trong nước và tổ chức tư vấn độc lập phục vụ hoạt động chuyên môn của từng Dự án (trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này): Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai hoạt động và dự toán ngân sách được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện hoạt động quyết định việc thuê chuyên gia trong nước. Mức chi, nguyên tắc áp dụng thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước. Trường hợp thuê tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI ĐẶC THÙ CỦA TỪNG DỰ ÁN

Mục 1

DỰ ÁN ĐỔI MỚI VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Điều 5. Chi thực hiện số hóa các chương trình, giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, bài giảng mô phỏng

1. Chi lựa chọn nội dung, xác định mục tiêu, thông số kỹ thuật để số hóa, mô phỏng bài giảng: 500.000 đồng/nội dung, mục tiêu hoặc thông số kỹ thuật.

2. Chi xây dựng đề cương, nội dung, kịch bản bài giảng điện tử phù hợp với số hóa, mô phỏng và thực hiện bài giảng: 10.000.000 đồng/01 bài giảng.

3. Chi thẩm định, nghiệm thu bài giảng số hóa, mô phỏng và sản phẩm hoàn thiện:

a) Thẩm định bằng văn bản: 500.000 đồng/một ý kiến;

b) Họp thẩm định, nghiệm thu: thực hiện theo quy định Thông tư số 40/2017/TT-BTC. Riêng chi tiền công cho Hội đồng thẩm định, nghiệm thu áp dụng mức chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

4. Chi xây dựng video bài giảng mẫu: 30.000.000 đồng/video bài giảng có thời lượng dưới 30 phút, đối với bài giảng trên 30 phút thì mỗi phút vượt tính thêm 500.000 đồng.

5. Chi xây dựng thí nghiệm ảo hoặc mô phỏng bài giảng: tối đa 20.000.000 đồng/01 bài giảng.

6. Chi mua sắm nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ thực hành, thực tập phục vụ cho bài giảng: mức chi theo thực tế và phù hợp với từng ngành nghề do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định nhưng không quá 20.000.000 đồng/01 bài giảng.

Điều 6. Chi hỗ trợ sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị đào tạo

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Các trường chất lượng cao theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020;

b) 05 trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, các khoa sư phạm giáo dục nghề nghiệp trong các trường cao đẳng và Viện Khoa học Giáo dục nghề nghiệp;

c) 30 cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt để đào tạo cho một số nghề trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế biển và các đối tượng là người dân tộc thiểu số học nội trú, người khuyết tật;

d) Các trường được lựa chọn đầu tư nghề trọng điểm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

đ) Phòng thí nghiệm công nghệ cao, trung tâm công nghệ cao, cơ sở sản xuất thử nghiệm trong một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị đào tạo: Các cơ quan, đơn vị theo phân cấp của trung ương và địa phương quyết định mua sắm phù hợp với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu, chương trình đào tạo trong phạm vi dự toán được giao;

b) Hỗ trợ sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình nhà xưởng thực hành của cơ sở giáo dục nghề nghiệp: mức hỗ trợ tối đa bằng 30% vốn sự nghiệp thực hiện Dự án theo quyết định của cấp có thẩm quyền và không quá 7 tỷ đồng/trường, cơ sở.

Điều 7. Chuẩn hóa, phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

1. Chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong và ngoài nước. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này và một số nội dung, mức chi sau:

a) Chi thù lao cho giảng viên (bao gồm cả thù lao soạn giáo án, bài giảng) là nghệ nhân cấp tỉnh trở lên và giảng viên là thợ kỹ thuật có tay nghề cao: áp dụng mức chi theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC, cụ thể:

- Giảng viên là nghệ nhân cấp tỉnh trở lên: áp dụng mức chi đối với giảng viên, báo cáo viên là cấp Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Vụ trưởng và Phó Vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và Phó Viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và các chức danh tương đương;

- Giảng viên là thợ kỹ thuật có tay nghề cao: áp dụng mức chi cho giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại đơn vị cấp huyện và tương đương;

b) Đối với các khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn sâu; khoá đào tạo, bồi dưỡng theo phương pháp giảng dạy mới chưa có sẵn giáo trình và tài liệu để giảng dạy; căn cứ yêu cầu chất lượng từng khóa đào tạo, bồi dưỡng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng quyết định trả tiền biên soạn giáo án, bài giảng theo mức quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Thông tư này;

c) Chi mua nguyên, nhiên, vật liệu, dụng cụ thực hành, thực tập. Mức chi theo thực tế và phù hợp với từng ngành, nghề, do thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức bồi dưỡng giáo viên quyết định trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi đào tạo ngoại ngữ cho giảng viên, giáo viên để dạy các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực ASEAN và quốc gia

a) Căn cứ chế độ quản lý tài chính hiện hành, yêu cầu trình độ của từng khóa đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt nội dung hoạt động cụ thể và triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch; đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có) do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định trên cơ sở đơn giá tối đa do Bộ Tài chính quy định hoặc thông báo. Đối với các hoạt động không thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có); nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC;

b) Mỗi giảng viên, giáo viên chỉ được hỗ trợ một lần cho một bậc trình độ từ nguồn kinh phí của Dự án, không hỗ trợ đối với giảng viên, giáo viên đã được đơn vị cử đi đào tạo ngoại ngữ bằng nguồn ngân sách khác ở cùng bậc trình độ đào tạo.

3. Chi chuyển giao, tiếp nhận, thẩm định các bộ chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên của nước ngoài; chi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước cho giáo viên, giảng viên dạy các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế, khu vực đã nhận chuyển giao từ nước ngoài; chi thuê giảng viên, chuyên gia nước ngoài hướng dẫn và triển khai đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên dạy các nghề trọng điểm quốc tế và khu vực đã nhận chuyển giao từ nước ngoài, kiểm tra đánh giá công tác chuyển giao chương trình, giáo trình; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở nước ngoài. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư này.

4. Chi biên soạn ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi thực hành; tổ chức đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng thực hành nghề cho giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Thông tư này.

Điều 8. Chi phát triển chương trình, đào tạo thí điểm

1. Chi chuyển giao các bộ chương trình từ nước ngoài cho các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế

a) Căn cứ chế độ quản lý tài chính hiện hành, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt nội dung hoạt động cụ thể và thực hiện chuyển giao các bộ chương trình từ nước ngoài theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch; đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có) do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định cụ thể trên cơ sở đơn giá tối đa do Bộ Tài chính quy định hoặc thông báo.

2. Chi xây dựng quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng

a) Chi thiết kế: 40.000 đồng/giờ đối với trình độ cao đẳng, 35.000 đồng/giờ đối với trình độ trung cấp;

b) Chi biên soạn: 120.000 đồng/giờ đối với trình độ cao đẳng, 110.000 đồng/giờ đối với trình độ trung cấp;

c) Chi sửa chữa, biên tập tổng thể: 75.000 đồng/giờ đối với trình độ cao đẳng, 70.000 đồng/giờ đối với trình độ trung cấp;

d) Chi xin ý kiến chuyên gia để chỉnh sửa, hoàn thiện: 1.500.000 đồng/ý kiến;

đ) Thuê chuyên gia tư vấn hướng dẫn, giám sát xây dựng: 15.000 đồng/giờ (trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp);

e) Chi thẩm định, nhận xét, đánh giá: 55.000 đồng/giờ đối với trình độ cao đẳng, 50.000 đồng/giờ đối với trình độ trung cấp;

g) Chi chỉnh sửa, bổ sung quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp được tính bằng 30% mức chi xây dựng mới. Riêng đối với nội dung xin ý kiến chuyên gia; thuê chuyên gia tư vấn hướng dẫn, giám sát xây dựng; thẩm định, nhận xét, đánh giá được tính bằng 100% mức chi xây dựng mới.

3. Chi thẩm định bộ chương trình chuyển giao

a) Chi đọc thẩm định quy định đào tạo/tiêu chuẩn năng lực của nước chuyển giao theo từng ngành, nghề: 60.000 đồng/trang chuẩn;

b) Chi đọc thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: 60.000 đồng/giờ;

c) Chi đọc thẩm định tài liệu học tập, giảng dạy lý thuyết và thực hành: 60.000 đồng/trang chuẩn;

d) Chi đọc thẩm định tài liệu đánh giá bao gồm mẫu đề thi, đáp án, hướng dẫn đánh giá và chấm điểm: 300.000 đồng/đề thi;

đ) Chi đọc thẩm định danh mục máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo trình độ cao đẳng: 2.000.000 đồng/tiêu chuẩn năng lực hoặc mô đun.

4. Chi đào tạo thí điểm cho sinh viên trình độ cao đẳng các ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế đã được chuyển giao từ nước ngoài

a) Chi đào tạo thí điểm cho sinh viên trình độ cao đẳng các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế đã được chuyển giao từ nước ngoài: thực hiện theo hình thức đặt hàng đào tạo, đơn giá đặt hàng theo quy định của pháp luật về giá;

b) Chi thuê giảng viên, chuyên gia nước ngoài hướng dẫn và triển khai đào tạo thí điểm cho các nghề chuyển giao: thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch; đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có) do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định trên cơ sở đơn giá tối đa do Bộ Tài chính quy định hoặc thông báo. Đối với các hoạt động không thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có); nội dung và mức chi theo quy định hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Chi thẩm định, nhận xét, đánh giá định mức kinh tế - kỹ thuật tạm thời của ngành, nghề trọng điểm cấp độ quốc tế theo bộ chương trình đã chuyển giao từ nước ngoài, làm cơ sở ban hành đơn giá đặt hàng đào tạo thí điểm

- Chi phản biện, nhận xét đánh giá chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: 40.000 đồng/trang chuẩn;

- Chi phản biện, nhận xét đánh giá tài liệu học tập/giảng dạy (giáo trình) lý thuyết và thực hành: 45.000 đồng/trang chuẩn;

- Chi phản biện, nhận xét đánh giá phần tài liệu đánh giá bao gồm mẫu đề thi, đáp án, hướng dẫn đánh giá và chấm điểm: 300.000 đồng/đề thi;

- Chi phản biện, nhận xét danh mục máy móc, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo trình độ cao đẳng: 45.000 đồng/trang chuẩn;

d) Chi tổ chức thi tốt nghiệp cho sinh viên trình độ cao đẳng các nghề trọng điểm cấp độ quốc tế đã được chuyển giao từ nước ngoài: thực hiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch; đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có) do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định cụ thể trên cơ sở đơn giá tối đa do Bộ Tài chính thông báo. Đối với các hoạt động không thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có); nội dung và mức chi theo quy định hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Chi xây dựng bộ chương trình tiếng Anh chuyên ngành cho nhóm ngành, nghề cấp độ quốc gia, quốc tế

a) Nội dung, quy trình xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình dạy tiếng Anh chuyên ngành cho các nhóm nghề trọng điểm cấp độ quốc gia, quốc tế thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

b) Trường hợp đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch; đơn giá đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có) do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quyết định cụ thể trên cơ sở đơn giá tối đa do Bộ Tài chính quy

định hoặc thông báo. Đối với các hoạt động không thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ, giao kế hoạch (nếu có); nội dung và mức chi theo quy định hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

6. Chi kiểm tra đánh giá công tác chuyển giao chương trình, giáo trình; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở nước ngoài. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí.

Điều 9. Chi xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu cho từng ngành, nghề theo trình độ và cấp độ đào tạo

1. Phạm vi: áp dụng đối với đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. Đối với danh mục thiết bị đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí thực hiện hoạt động "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Nội dung, mức chi

a) Nội dung và mức chi đặc thù cho việc xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, cao đẳng thực hiện theo quy định tại Phụ lục 02 đính kèm Thông tư này;

b) Chi cho các hoạt động hội thảo, tập huấn; điều tra khảo sát; xây dựng tài liệu báo cáo, tổng hợp, đề cương chi tiết để xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 8 và khoản 12 Điều 4 Thông tư này;

c) Chi lấy ý kiến chuyên gia, chi thẩm định danh mục thiết bị đào tạo

- Lấy ý kiến chuyên gia góp ý về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp cho từng phòng chức năng: 75.000 đồng/01thiết bị/01 chuyên gia;

- Lấy ý kiến chuyên gia góp ý về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ cao đẳng cho từng phòng chức năng: 100.000 đồng/01 thiết bị/01 chuyên gia;

- Nhận xét, đánh giá của hội đồng thẩm định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp cho từng phòng chức năng: 1.200.000 đồng/01 thiết bị/01 hội đồng;

- Nhận xét, đánh giá của hội đồng thẩm định về danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ cao đẳng cho từng phòng chức năng: 1.800.000 đồng/01 thiết bị/01 hội đồng;

- Chi thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn, giám sát xây dựng: 500.000 đồng/thiết bị (trình độ trung cấp, cao đẳng).

3. Chi chỉnh sửa, bổ sung danh mục, tiêu chuẩn thiết bị đào tạo cho từng ngành, nghề theo trình độ, cấp độ đào tạo được tính bằng 30% chi xây dựng mới. Riêng các nội dung chi thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn giám sát xây

dựng; lấy ý kiến chuyên gia để chỉnh sửa và hoàn thiện; chi thẩm định, nhận xét, đánh giá được tính bằng 100% mức chi xây dựng mới.

Điều 10. Chi xây dựng, ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm, thí nghiệm cho từng ngành, nghề và định mức kinh tế - kỹ thuật cho từng ngành, nghề theo trình độ, cấp độ đào tạo

1. Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm cho từng ngành, nghề

a) Chi cho các hoạt động hội thảo, tập huấn; điều tra khảo sát; xây dựng tài liệu báo cáo, tổng hợp, đề cương chi tiết để xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất: thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 8 và khoản 12 Điều 4 Thông tư này;

b) Nội dung và mức chi đặc thù trong xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất cho từng ngành, nghề được quy định tại Phụ lục 03 đính kèm Thông tư này;

c) Chi thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn, giám sát xây dựng: 10.000.000 đồng/phòng chức năng;

d) Chi lấy ý kiến chuyên gia để chỉnh sửa và hoàn thiện cho từng phòng chức năng: 300.000 đồng/ý kiến/tiêu chuẩn;

đ) Chi thẩm định, nhận xét, đánh giá cho từng phòng chức năng: 500.000 đồng/ý kiến/tiêu chuẩn;

e) Chi chỉnh sửa, bổ sung tiêu chuẩn cơ sở vật chất được tính bằng 30% chi xây dựng mới. Riêng các nội dung chi thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn giám sát xây dựng; lấy ý kiến chuyên gia để chỉnh sửa và hoàn thiện; chi thẩm định, nhận xét, đánh giá được tính bằng 100% xây dựng mới.

2. Xây dựng, thẩm định định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo cho từng ngành, nghề theo trình độ, cấp độ đào tạo

a) Phạm vi: áp dụng đối với đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. Đối với định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm theo quy định của pháp luật về phân cấp ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí thực hiện hoạt động "Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn" thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

b) Nội dung, mức chi

- Chi cho các hoạt động hội thảo, tập huấn; điều tra khảo sát; xây dựng tài liệu báo cáo, tổng hợp, đề cương chi tiết để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4, khoản 8 và khoản 12 Điều 4 Thông tư này;

- Nội dung và mức chi đặc thù trong xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo được quy định tại Phụ lục 04 đính kèm Thông tư này;

- Chi mua nguyên, vật liệu. Mức chi theo thực tế, phù hợp với từng ngành, nghề và dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi thuê địa điểm, máy móc; sửa chữa tài sản cố định. Mức chi theo hợp đồng, giá cả thực tế tại thời điểm thuê phù hợp với từng ngành, nghề và dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

- Chi lấy ý kiến chuyên gia để chỉnh sửa và hoàn thiện cho từng công việc/môn học (mô đun)/tín chỉ: 50.000 đồng/ý kiến đối với đào tạo trình độ trung cấp; 55.000 đồng/ý kiến đối với đào tạo trình độ cao đẳng;

- Chi thẩm định (nhận xét, đánh giá) cho từng công việc/môn học (mô đun)/tín chỉ: 75.000 đồng/ý kiến đối với đào tạo trình độ trung cấp; 100.000 đồng/ý kiến đối với đào tạo trình độ cao đẳng;

- Chi chỉnh sửa, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo cho từng ngành, nghề theo trình độ, cấp độ đào tạo được tính bằng 30% mức chi xây dựng mới. Riêng các nội dung chi thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn giám sát xây dựng; lấy ý kiến chuyên gia để chỉnh sửa và hoàn thiện; chi thẩm định nhận xét, đánh giá được tính bằng 100% mức chi xây dựng mới.

Điều 11. Chi phát triển hoạt động kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp

1. Chi xây dựng mới ngân hàng đề thi phục vụ cho việc đánh giá và cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 26 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi olympic quốc tế và khu vực (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT).

2. Chi chỉnh sửa, bổ sung ngân hàng đề thi: mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới. Riêng chi thẩm định, thuê chuyên gia bằng 100% mức chi xây dựng mới.

3. Chi tổ chức đánh giá, cấp thẻ kiểm định viên

a) Chi thuê địa điểm, phương tiện đi lại, máy móc, thiết bị, dụng cụ: Mức chi theo hợp đồng, giá cả thực tế tại thời điểm thuê phù hợp với từng ngành, nghề và dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Mua nguyên, nhiên vật liệu, văn phòng phẩm, cước liên lạc, photo, in ấn. Mức chi theo thực tế phát sinh, hợp đồng, hoá đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Chi bồi dưỡng, phụ cấp trách nhiệm hội đồng, ban tổ chức, ra đề thi, coi thi, chấm thi, phục vụ phúc khảo, thanh tra, giám sát và các nhiệm vụ khác có liên quan. Mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT.

4. Chi hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (kiểm định chất lượng chương trình đào tạo và kiểm định cơ sở giáo dục nghề nghiệp) phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước

a) Chi đánh giá, viết báo cáo kết quả tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp: 1.000.000 đồng/báo cáo (báo cáo tiêu chí, báo cáo tiêu chuẩn, báo cáo tổng hợp), bao gồm các nội dung: Thuê chuyên gia thẩm định báo cáo kết quả tự đánh giá, chi thù lao viết báo cáo đánh giá ngoài của đoàn đánh giá ngoài; họp, thẩm định hồ sơ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo mức quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

b) Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ, chi phí đi lại của kiểm định viên khi tham gia đoàn đánh giá ngoài: mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC;

c) Chi phí quản lý chung để tổ chức kiểm định thực hiện nhiệm vụ: không vượt quá 5% dự toán kinh phí thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp (các hoạt động liên quan đến đánh giá ngoài).

5. Chi xây dựng và phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp được lựa chọn

a) Chi xây dựng lần đầu hệ thống bảo đảm chất lượng cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp

- Chi xây dựng chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng và sổ tay chất lượng: tối đa 15.000.000 đồng;

- Chi xây dựng quy trình hoặc công cụ thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng: 9.500.000 đồng/quy trình hoặc công cụ;

b) Chi hỗ trợ hoạt động đánh giá nội bộ: tối đa 30.000.000 đồng/lần;

c) Chi hỗ trợ duy trì, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp: mức chi tối đa 30% định mức xây dựng lần đầu quy định tại điểm a Khoản này.

6. Chi thí điểm thiết lập và vận hành cơ chế bảo đảm chất lượng trong quá trình đào tạo các nghề trọng điểm cấp độ quốc gia

a) Nội dung chi

- Chi viết các chuyên đề, báo cáo, khảo sát để lựa chọn các nghề và trường tham gia thí điểm; thuê chuyên gia kiểm tra, đánh giá trong và sau quá trình thí điểm;

- Tập huấn mô hình thí điểm;

- Xây dựng tài liệu thí điểm;

- Xây dựng ngân hàng đề thi phục vụ đánh giá và cấp chứng chỉ cho người học các nghề thí điểm (nếu có);

- Tổ chức đánh giá và cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học các nghề và các trường tham gia thí điểm;

- Chi xây dựng các quy trình hoặc công cụ phục vụ thiết lập và vận hành cơ chế bảo đảm chất lượng trong quá trình đào tạo;

- Chi quản lý, vận hành, đánh giá mô hình thí điểm;

- Các nội dung chi cần thiết khác.

b) Căn cứ chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước, nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này và dự kiến chi phí thực tế phát sinh, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt nội dung cụ thể và quyết định việc triển khai thí điểm, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với dự toán được giao.

Điều 12. Chi tổ chức đánh giá, công nhận trường chất lượng cao

1. Chi thuê chuyên gia thẩm định báo cáo kết quả tự đánh giá trường chất lượng cao; chi thù lao viết báo cáo đánh giá từng tiêu chí cho thành viên đoàn đánh giá. Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền nghỉ, đi lại của thành viên đoàn đánh giá khi thực hiện đánh giá tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp; chi hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá và công nhận trường chất lượng cao; chi hội nghị tổng kết và công bố kết quả đánh giá trường chất lượng cao: mức chi theo quy định tại Chương II và Chương III Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

3. Chi họp, thẩm định kết quả đánh giá theo tiêu chí trường chất lượng cao: mức chi áp dụng mức chi thẩm định nội dung, tài chính nhiệm vụ khoa học công nghệ quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và mức chi hội nghị quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Điều 13. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung các bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

1. Chi xây dựng mới tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

a) Lập bảng các vị trí việc làm phổ biến của nghề: 2.000.000 đồng/bảng;

b) Lập phiếu phân tích công việc: 500.000 đồng/01 phiếu;

c) Lấy ý kiến góp ý của chuyên gia về phiếu phân tích công việc: 300.000 đồng/phiếu;

d) Lập sơ đồ các vị trí việc làm của nghề: 3.000.000 đồng/sơ đồ;

đ) Lấy ý kiến chuyên gia về sơ đồ các vị trí việc làm: 500.000 đồng/ý kiến;

e) Lập bảng danh mục các đơn vị năng lực của nghề: 3.000.000 đồng/bảng;

g) Lấy ý kiến chuyên gia về bảng danh mục các đơn vị năng lực của nghề: 350.000 đồng/ý kiến;

h) Lập bảng các đơn vị năng lực theo vị trí việc làm: 3.000.000 đồng/bảng;

i) Biên soạn tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia: 700.000 đồng/phiếu tiêu chuẩn;

k) Lấy ý kiến chuyên gia về tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia: 500.000 đồng/ phiếu tiêu chuẩn;

l) Thẩm định tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia: 500.000 đồng/phiếu tiêu chuẩn.

2. Chi bổ sung, chỉnh sửa tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia

a) Bổ sung mới: nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng mới tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia;

b) Chỉnh sửa: nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới. Riêng chi thẩm định, thuê chuyên gia bằng 100% mức chi xây dựng mới tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 14. Xây dựng mới, bổ sung, chỉnh sửa ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, đề thi thực hành để đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và kỹ năng thực hành nghề

1. Chi xây dựng mới ngân hàng câu trắc nghiệm, đề thi thực hành, thử nghiệm đề thi để tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và đánh giá kỹ năng thực hành nghề: Nội dung và mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT. Ngoài ra, Thông tư này quy định thêm một số nội dung chi và mức chi đặc thù như sau:

a) Chi phân tích các phiếu tiêu chuẩn thực hiện công việc, xác định các kiến thức, kỹ năng cần thiết để biên soạn các câu trắc nghiệm, đề thi thực hành: 50.000 đồng/01 tiêu chuẩn;

b) Chi biên soạn đề thi thực hành:

- Ra đề thi: 1.000.000 đồng/đề thi;

- Chi mô tả yêu cầu kỹ thuật của đề thi: 500.000 đồng/đề thi;

- Chi xác định danh mục thiết bị, dụng cụ, vật liệu: 500.000 đồng/đề thi;

- Chi xác định tiêu chí chấm thi: 500.000 đồng/đề thi;

- Chi xây dựng bảng hướng dẫn chấm điểm: 500.000 đồng/đề thi;

- Chi thuê chuyên gia vẽ AutoCAD cho các đề thi thực hành (nếu có): tối đa 1.500.000 đồng/đề thi;

- Chi xây dựng bảng hướng dẫn tổ chức thi: 2.000.000 đồng/đề thi;

c) Lấy ý kiến chuyên gia:

- Về câu trắc nghiệm: 50.000 đồng/01 câu trắc nghiệm;

- Về đề thi thực hành: 2.000.000 đồng/01 đề thi thực hành;

d) Thẩm định đề thi thực hành: 3.000.000 đồng/01 đề thi.

2. Chi bổ sung, chỉnh sửa ngân hàng câu trắc nghiệm, đề thi thực hành

a) Bổ sung mới: nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng mới ngân hàng câu trắc nghiệm và đề thi thực hành;

b) Chỉnh sửa: nội dung, mức chi tương ứng bằng 30% mức chi xây dựng mới. Riêng chi thẩm định, thuê chuyên gia bằng 100% mức chi xây dựng mới.

Điều 15. Thí điểm đánh giá và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, kỹ năng thực hành nghề

1. Chi thuê địa điểm, phương tiện đi lại, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nhà xưởng: mức chi theo hợp đồng, giá cả thực tế tại thời điểm thuê phù hợp với từng ngành, nghề và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, văn phòng phẩm. Mức chi theo thực tế trên cơ sở các hóa đơn chứng từ chi tiêu hợp pháp, phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

3. Chi thù lao bồi dưỡng; chấm thi, xét kết quả thi và tổng hợp báo cáo: thực hiện quy định tại điểm đ và điểm i khoản 2 Điều 3 Thông tư số 79/2012/BTC-BLĐTBXH ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động hội giảng giáo viên dạy nghề và hội thi thiết bị dạy nghề tự làm.

Điều 16. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ cho lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài

1. Đối tượng nhận hỗ trợ: Người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ nghề, ngoại ngữ theo yêu cầu của hợp đồng cung ứng giữa tổ chức sự nghiệp, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với đối tác nước ngoài và người lao động tham gia chương trình đưa ứng viên điều dưỡng, hộ lý Việt Nam sang làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản (VJEPA), trong đó ưu tiên cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, lao động là thân nhân người có công với cách mạng, lao động thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp.

2. Nội dung, mức hỗ trợ, quy trình, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 và khoản 3, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

Điều 17. Tư vấn, hướng nghiệp, dự báo nhu cầu đào tạo về giáo dục nghề nghiệp gắn với việc làm đáp ứng thị trường lao động

1. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm theo các chuyên đề về giáo dục nghề nghiệp; tổ chức chương trình, ngày hội tư vấn - hướng nghiệp. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 7 và khoản 12 Điều 4 Thông tư này.

2. Chi tổ chức các hoạt động tham quan hướng nghiệp, gắn kết giữa doanh nghiệp với học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Chi thuê xe di chuyển: theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

b) Chi hỗ trợ tiền ăn trưa, nước uống: 50.000 đồng/học sinh, sinh viên.

3. Chi điều tra, khảo sát, dự báo nhu cầu đào tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 109/2016/TT-BTC.

Mục 2

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Điều 18. Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động

1. Hỗ trợ hoạt động giao dịch việc làm

a) Chi hỗ trợ các Trung tâm dịch vụ việc làm thuê địa điểm (trong trường hợp diện tích Trung tâm không đáp ứng được), thuê phương tiện vận chuyển hoặc thuê thiết bị, nhân công phục vụ cho việc giao dịch (nếu có). Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ dự toán được giao và nhu cầu thực tế quyết định mức hỗ trợ phù hợp với quy mô sàn giao dịch, quy mô tổ chức hội chợ việc làm;

b) Chi các hoạt động tuyên truyền, quảng bá nhằm thu hút người lao động và doanh nghiệp đến với sàn giao dịch việc làm và hội chợ việc làm gồm: thiết kế, in ấn tờ rơi; làm pa nô, khẩu hiệu, băng rôn; quảng cáo trên các phương tiện truyền thông hoặc các hoạt động cần thiết khác. Mức chi theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư này.

2. Chi phân tích, dự báo thị trường lao động

a) Chi xuất bản các ấn phẩm phân tích, dự báo thị trường lao động: thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 4 Thông tư này;

b) Chi viết báo cáo phân tích, dự báo thị trường lao động: tối đa 8 triệu đồng/báo cáo.

Điều 19. Hỗ trợ lao động di cư tại Trung tâm dịch vụ việc làm

1. Chi tư vấn, cung cấp thông tin lao động, việc làm; tư vấn nghề nghiệp. Mức chi 10.000 đồng/lượt người được tư vấn nhưng tối đa không quá 02 lần/người.

2. Chi giới thiệu việc làm cho người lao động: thực hiện thông qua hình thức giao nhiệm vụ (trong trường hợp Trung tâm dịch vụ việc làm trực thuộc cơ quan, đơn vị được giao dự toán) hoặc đặt hàng (trong trường hợp Trung tâm dịch vụ việc làm không phải là đơn vị trực thuộc cơ quan, đơn vị được giao dự toán) theo định mức 200.000 đồng/người lao động tìm được việc làm thông qua giới thiệu. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền đã ban hành giá dịch vụ giới thiệu việc làm thì thực hiện theo giá cụ thể áp dụng tại các Trung tâm dịch vụ việc làm.

3. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng tìm việc, làm việc. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

Điều 20. Hỗ trợ việc làm cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ nghèo nông thôn

1. Định hướng nghề nghiệp cho học sinh các trường trung học phổ thông, thanh niên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp

a) Chi tư vấn về định hướng nghề nghiệp cho thanh niên. Mức chi 10.000 đồng/lượt người được tư vấn nhưng không quá 02 lần/người;

b) Chi tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về định hướng nghề nghiệp trong các trường. Mức chi theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Thông tư này;

c) Chi tổ chức các hoạt động tham quan hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên tại các doanh nghiệp, tổ chức

- Chi thuê xe di chuyển: theo giá thị trường tại địa phương và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Chi hỗ trợ tiền ăn trưa, nước uống: 50.000 đồng/học sinh, sinh viên.

2. Hỗ trợ thanh niên khởi sự doanh nghiệp

a) Nội dung chi: đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về khởi sự doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp cho thanh niên; xây dựng giáo trình đào tạo, bồi dưỡng;

b) Mức chi: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Hỗ trợ tìm việc làm cho thanh niên đã tốt nghiệp các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số

a) Tư vấn, định hướng việc làm cho lao động là thanh niên, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số. Mức chi 10.000 đồng/lượt người được tư vấn nhưng tối đa không quá 02 lần/người. Riêng lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số tối đa không quá 03 lần/người;

b) Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng làm việc, kỹ năng tìm việc. Nội dung và mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này;

c) Xây dựng các tài liệu hướng dẫn tư vấn, giới thiệu việc làm. Mức chi theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 4 Thông tư số 123/2009/TT-BTC;

d) Chi thuê trang thiết bị, phương tiện (nếu có) phục vụ thăm quan, thực tập tại doanh nghiệp, tổ chức. Mức chi thực hiện theo hợp đồng (nếu có) và chứng từ chi tiêu hợp pháp;

đ) Chi giới thiệu việc làm cho người lao động: thực hiện thông qua hình thức đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các Trung tâm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm. Đơn giá, định mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này.

Mục 3

DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

Điều 21. Thí điểm hệ thống báo cáo, thống kê tai nạn lao động, tư vấn hỗ trợ pháp luật an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động

1. Nội dung chi

a) Khảo sát, đánh giá thực trạng địa bàn thí điểm;

b) Tập huấn, hướng dẫn triển khai thực hiện mô hình thí điểm;

c) Kiểm tra, đánh giá kết quả thí điểm;

2. Mức chi

Căn cứ chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước và dự kiến chi phí thực tế phát sinh, Bộ trưởng, Thủ trưởng trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 350 triệu đồng/mô hình.

Điều 22. Đánh giá mẫu, hoàn thiện phương pháp phân loại lao động theo điều kiện lao động đối với nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm

1. Chi đo, đánh giá chỉ tiêu về môi trường lao động: Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về giá dịch vụ y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

2. Chi đánh giá các chỉ tiêu khác về điều kiện lao động (ngoài chỉ tiêu tại khoản 1 Điều này): thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

Điều 23. Xây dựng và kiện toàn cơ sở dữ liệu quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động

1. Chi thực hiện các hoạt động đo, kiểm tra môi trường lao động trong quá trình khảo sát, điều tra thống kê an toàn, vệ sinh lao động. Mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư này.

2. Chi lập hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động

a) Chi xây dựng đề cương chi tiết hồ sơ quốc gia: 3.000.000 đồng/đề cương;

b) Chi thuê chuyên gia viết các chuyên đề: tối đa 8.000.000 đồng/chuyên đề;

c) Chi họp Hội đồng thẩm định hồ sơ quốc gia. Mức chi áp dụng mức chi tiền công tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và mức chi hội nghị quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Điều 24. Hỗ trợ triển khai áp dụng hệ thống quản lý công tác an toàn, vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và làng nghề đang có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Nội dung chi

a) Khảo sát, đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và làng nghề áp dụng hệ thống quản lý;

b) Đề xuất, giải pháp mô hình hệ thống quản lý áp dụng tại doanh nghiệp, làng nghề; tập huấn, hướng dẫn triển khai áp dụng;

c) Hỗ trợ trang cấp tài liệu an toàn lao động, lập góc bảo hộ lao động, nội quy làm việc an toàn;

d) Kiểm tra, đánh giá kết quả hệ thống quản lý.

2. Căn cứ chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước và dự kiến chi phí thực tế phát sinh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 180 triệu đồng/doanh nghiệp, cơ sở được tư vấn và 350 triệu đồng/làng nghề áp dụng hệ thống quản lý.

Điều 25. Tư vấn, hỗ trợ áp dụng các biện pháp kỹ thuật phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

1. Triển khai ứng dụng thí điểm mô hình các giải pháp kỹ thuật an toàn trong doanh nghiệp nhỏ và vừa có nguy cơ cao về tai nạn lao động; tư vấn, hỗ trợ mô hình văn hóa an toàn kết hợp với giải pháp kỹ thuật

a) Nội dung chi

- Khảo sát, đánh giá, lựa chọn doanh nghiệp;

- Đề xuất giải pháp, mô hình;

- Hỗ trợ làm mẫu; tư vấn, giám sát thi công và lắp đặt hệ thống giải pháp;

- Tập huấn, hướng dẫn vận hành mô hình; kiểm tra, đánh giá kết quả;

b) Khung kỹ thuật thực hiện mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

c) Căn cứ chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước và dự kiến chi phí thực tế phát sinh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 350 triệu đồng/mô hình.

2. Tư vấn, hỗ trợ thí điểm phòng, chống tai nạn lao động trong sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong khu vực phi kết cấu

a) Nội dung chi

- Khảo sát, đánh giá sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong khu vực phi kết cấu;

- Hỗ trợ kiểm định kỹ thuật an toàn;

- Hỗ trợ chi phí lập lại hồ sơ, lý lịch máy, thiết bị có yêu cầu nghiệm ngặt về an toàn lao động;

- Tập huấn, hướng dẫn sử dụng an toàn máy, thiết bị;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả;

b) Khung kỹ thuật thực hiện mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

c) Căn cứ chế độ chi tiêu hiện hành của Nhà nước và dự kiến chi phí thực tế phát sinh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 50 triệu đồng/cơ sở sản xuất kinh doanh được lựa chọn.

3. Hỗ trợ khám phát hiện bệnh nghề nghiệp trong các cuộc điều tra, thống kê về bệnh nghề nghiệp. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về giá dịch vụ y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, PHÂN BỔ VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ

Điều 26. Lập dự toán ngân sách

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Chương trình thực hiện theo quy định Luật Ngân sách nhà nước 2015 và các văn bản hướng dẫn Luật. Ngoài ra, Thông tư này hướng dẫn thêm một số điểm như sau:

1. Đơn vị dự toán cấp I ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình chi tiết theo Dự án, lĩnh vực chi gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 20 tháng 7 năm kế hoạch.

2. Căn cứ dự toán chi Chương trình do các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán chi Chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 8 năm kế hoạch.

3. Dự toán kinh phí sự nghiệp gửi cơ quan quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải kèm thuyết minh nêu rõ các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyên môn và kinh phí thực hiện các hoạt động của Chương trình.

Điều 27. Phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí

1. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Đối với các hoạt động, nhiệm vụ cơ quan, đơn vị được giao dự toán ký hợp đồng các cơ quan, đơn vị khác thực hiện; chứng từ làm căn cứ thanh quyết toán lưu tại cơ quan, đơn vị được giao dự toán gồm: Hợp đồng đã ký (kèm theo dự toán chi tiết được cơ quan chủ trì phê duyệt), biên bản nghiệm thu số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành, giá thanh toán theo hợp đồng đã ký kết giữa cơ quan đơn vị được giao dự toán với đơn vị cung cấp; ủy nhiệm chi hoặc phiếu chi và các tài liệu có liên quan khác. Các hóa đơn, chứng từ chi tiêu cụ thể do cơ quan trực tiếp thực hiện Hợp đồng lưu giữ.

3. Việc lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo, mở rộng cơ sở vật chất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/12/2017.

2. Thông tư liên tịch số 102/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thực hiện một số Dự án của Chương trình mục tiêu quốc gia Việc làm và Dạy nghề giai đoạn 2012-2015, Thông tư liên tịch số 140/2011/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình Quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động giai đoạn 2011 – 2015 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng các điều, khoản, điểm tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (400b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục 01: Mức chi xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo và ngân hàng đề thi tốt nghiệp các nghề trọng điểm, xây dựng chương trình 06 môn học chung, xây dựng tài liệu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đánh giá viên kỹ năng nghề

(Ban hành kèm theo Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

<table>
<tr><th rowspan="4">TT</th><th rowspan="4">Nội dung chi</th><th colspan="6">Mức chi</th></tr>
<tr><th colspan="2">Xây dựng mới</th><th colspan="4">Bổ sung, chỉnh sửa</th></tr>
<tr><th rowspan="2">Cao đẳng</th><th rowspan="2">Trung cấp</th><th colspan="2">Cao đẳng</th><th colspan="2">Trung cấp</th></tr>
<tr><th>Bổ sung mới</th><th>Chỉnh sửa</th><th>Bổ sung mới</th><th>Chỉnh sửa</th></tr>
<tr><td>I</td><td colspan="7">Chương trình</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Chi thiết kế</td><td>30.000 đồng/giờ</td><td>25.000 đồng/giờ</td><td rowspan="3">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới chương trình</td><td rowspan="3">Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới chương trình</td><td rowspan="3">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới chương trình</td><td rowspan="3">Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới chương trình</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Chi biên soạn (chương trình mô đun, môn học bắt buộc và tự chọn)</td><td>90.000 đồng/giờ</td><td>85.000 đồng/giờ</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Sửa chữa, biên tập tổng thể</td><td>55.000 đồng/giờ</td><td>50.000 đồng/giờ</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn, giám sát xây dựng</td><td>12.000 đồng/giờ</td><td>12.000 đồng/giờ</td><td colspan="4" rowspan="2">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới chương trình</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Chi thẩm định, nhận xét, đánh giá</td><td>40.000 đồng/giờ</td><td>35.000 đồng/giờ</td></tr>
<tr><td>II</td><td colspan="7">Giáo trình</td></tr>
<tr><td>1</td><td>Thiết kế cấu trúc giáo</td><td>195.000 đồng/bài hoặc</td><td>130.000 đồng/bài hoặc</td><td>Mức chi bằng mức</td><td>Mức chi</td><td>Mức chi</td><td>Mức chi bằng</td></tr>
</table>

<table>
<tr><th rowspan="4">TT</th><th rowspan="4">Nội dung chi</th><th colspan="4">Mức chi</th></tr>
<tr><th colspan="2">Xây dựng mới</th><th colspan="2">Bổ sung, chỉnh sửa</th></tr>
<tr><th rowspan="2">Cao đẳng</th><th rowspan="2">Trung cấp</th><th colspan="2">Cao đẳng</th><th colspan="2">Trung cấp</th></tr>
<tr><th>Bổ sung mới</th><th>Chỉnh sửa</th><th>Bổ sung mới</th><th>Chỉnh sửa</th></tr>
<tr><td></td><td>trình</td><td>chương</td><td>chương</td><td rowspan="2">chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="2">bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="2">bằng mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="2">30% mức chi xây dựng mới giáo trình</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Viết giáo trình</td><td>110.000 đồng/trang chuẩn</td><td>105.000 đồng/ trang chuẩn</td></tr>
<tr><td>3</td><td colspan="7">Bản vẽ kỹ thuật, hình minh hoạ, hình vẽ, biểu đồ</td></tr>
<tr><td>a</td><td>Bản vẽ sơ đồ</td><td>130.000 đồng/bản vẽ</td><td>130.000 đồng/bản vẽ</td><td rowspan="5">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="5">Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="5">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="5">Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình</td></tr>
<tr><td>b</td><td>Bản vẽ phối cảnh</td><td>390.000 đồng/bản vẽ</td><td>390.000 đồng/bản vẽ</td></tr>
<tr><td>c</td><td>Bản vẽ lắp dưới 5 chi tiết</td><td>650.000 đồng/bản vẽ</td><td>650.000 đồng/bản vẽ</td></tr>
<tr><td>d</td><td>Bản vẽ lắp từ 5 chi tiết trở lên</td><td>1.040.000 đồng/bản vẽ</td><td>1.040.000 đồng/bản vẽ</td></tr>
<tr><td>đ</td><td>Bản vẽ chi tiết đơn giản</td><td>1.040.000 đồng/bản vẽ</td><td>1.040.000 đồng/bản vẽ</td></tr>
<tr><td>e</td><td>Bản vẽ chi tiết phức tạp</td><td>1.950.000 đồng/bản vẽ</td><td>1.950.000 đồng/bản vẽ</td><td rowspan="3">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="3">Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="3">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình</td><td rowspan="3">Mức chi bằng 30% mức chi xây dựng mới giáo trình</td></tr>
<tr><td>g</td><td>Hình vẽ, biểu đồ, ảnh</td><td>130.000đồng/ hình vẽ hoặc biểu đồ hoặc ảnh</td><td>130.000 đồng/hình vẽ hoặc biểu đồ hoặc ảnh</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Sửa chữa, biên tập tổng thể</td><td>75.000 đồng/trang chuẩn</td><td>70.000 đồng/trang chuẩn</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn, giám sát biên soạn giáo trình</td><td>15.000 đồng/giờ</td><td>15.000 đồng/giờ</td><td colspan="4">Mức chi bằng mức chi xây dựng mới giáo trình</td></tr>
</table>

TT	Nội dung chi	Mức chi					
		Xây dựng mới		Bổ sung, chỉnh sửa			
				Cao đẳng		Trung cấp	
		Cao đẳng	Trung cấp	Bổ sung mới	Chỉnh sửa	Bổ sung mới	Chỉnh sửa
6	Thẩm định, nhận xét	55.000 đồng/trang chuẩn	50.000 đồng/trang chuẩn				
III	**Ngân hàng đề thi tốt nghiệp**						
	Nội dung, mức chi xây dựng ngân hàng đề thi tốt nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 14 Thông tư; riêng bản vẽ kỹ thuật, hình minh họa, hình vẽ, biểu đồ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Mục II Phụ lục này.						
IV	**Chi xây dựng chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp, kiểm định viên, đánh giá viên kỹ năng nghề**						
	Nội dung, mức chi tương ứng bằng mức chi xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình trình độ cao đẳng theo quy định tại Mục I và Mục II Phụ lục này.						

Phụ lục 02: Nội dung và mức chi xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu trình độ trung cấp, cao đẳng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi theo từng trình độ đào tạo	
			Trung cấp	Cao đẳng
1.	Xác định số lượng phòng chức năng	Phòng	5.000	5.000
2.	Xác định các yêu cầu cơ bản của từng phòng chức năng			
2.1.	Xác định chủng loại thiết bị đào tạo	Thiết bị	550	600
2.2.	Xác định yêu cầu sư phạm cho từng thiết bị	Thiết bị	450	500
2.3.	Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của từng thiết bị	Thiết bị	750	800
2.4.	Xác định số lượng thiết bị cho từng chủng loại	Thiết bị	600	650
3.	Biên soạn danh mục thiết bị đào tạo theo từng phòng chức năng	Thiết bị	250	300
4.	Sửa chữa, biên tập tổng thể theo từng phòng chức năng	Thiết bị	250	300

Phụ lục 03: Nội dung và mức chi xây dựng tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm cho từng ngành, nghề

(Ban hành kèm theo Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
1.	Xác định số lượng, diện tích, mặt bằng các phòng chức năng		
1.1.	Xác định số lượng các phòng chức năng	Phòng	5.000
1.2.	Xác định cơ cấu cho từng phòng chức năng	Phòng	5.000
1.3.	Xác định diện tích tối thiểu cho từng phòng chức năng	Phòng	5.000
1.4.	Đề xuất sơ đồ mặt bằng bố trí thiết bị cho từng phòng chức năng	Sơ đồ	5.000
2.	Xây dựng các tiêu chuẩn theo từng phòng chức năng	Tiêu chuẩn	5.000
3.	Sửa chữa, biên tập tổng thể theo từng phòng chức năng	Phòng	3.000

Phụ lục 04: Nội dung và mức chi xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 103/2017/TT-BTC ngày 05/10/2017 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

	Nội dung chi	Mức chi theo công việc/ môn học (mô đun)/ tín chỉ		Mức chi theo từng phòng chức năng	
		Trung cấp	*Cao đẳng*	*Trung cấp*	*Cao đẳng*
I.	**Xác định định mức lao động**				
1.1.	Xác định định mức lao động trực tiếp	50	55		
1.2.	Xác định định mức lao động gián tiếp	50	55		
II.	**Xác định định mức thiết bị**				
2.1.	Xác định chủng loại thiết bị	55	75		
2.2.	Xác định thông số kỹ thuật cơ bản của từng thiết bị	150	200		
2.3.	Xác định thời gian sử dụng thiết bị cho từng chủng loại	*150*	*250*		
2.4.	Tổng hợp định mức thiết bị	100	150		
III.	**Xác định định mức tiêu hao vật tư**				
3.1.	Xác định chủng loại vật tư tiêu hao	165	225		
3.2.	Xác định số lượng/khối lượng vật tư cần thiết cho từng chủng loại vật tư				
	Xác định tỷ lệ thu hồi vật tư	*850*	*1.250*		
	Xác định khối lượng/số lượng vật tư tiêu hao	*450*	*650*		
3.3.	Xác định yêu cầu kỹ thuật cơ bản của vật tư	300	450		

3.4.	Tổng hợp định mức tiêu hao vật tư	300	450		
IV.	**Xác định định mức sử dụng cơ sở vật chất**				
4.1.	Định mức sử dụng phòng học			5.000	5.000
4.2.	Định mức sử dụng khu thực hành, thực nghiệm			5.000	5.000
4.3.	Định mức sử dụng các công trình phụ trợ khác			5.000	5.000
V.	**Biên soạn định mức kinh tế - kỹ thuật**	250	300		
VI.	**Sửa chữa, biên tập tổng thể**	250	300		
VII.	**Chi thuê chuyên gia tư vấn, hướng dẫn, giám sát xây dựng**	500	500		